

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-UBND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ tại Công văn số 1324/CV-TTYT ngày 25 tháng 7 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ, địa chỉ: số 99, đường 30/4, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ”

1.2. Địa điểm hoạt động: số 99 đường 30/4, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

1.3. Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ được thành lập tại Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Hậu Giang và được tổ chức lại tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang.

1.4. Mã số thuế: 6300033631.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Tổng diện tích của cơ sở: 15.634,54 m².
- Quy mô, công suất hoạt động: 330 giường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 09 tháng 8 năm 2023 đến ngày 08 tháng 8 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Long Mỹ;
- Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ;
- Lưu: VT, NCTH. STP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thu Ánh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Hậu Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, có lưu lượng khoảng 85,15 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: nước thải khám chữa bệnh (từ các khoa điều trị, khoa phẫu thuật, các labo xét nghiệm) và nước thải từ nhà giặt trung tâm tiệt khuẩn, có lưu lượng khoảng 28,75 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 03: nước thải từ căn tin, nhà ăn và từ hoạt động tắm giặt tại các khoa phòng, buồng bệnh, có lưu lượng khoảng 34,5 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 02 dòng nước thải.

2.1. Dòng nước thải số 01: nước thải (từ nguồn số 01 đến nguồn số 03) sau hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày đêm.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thu gom, thoát nước chung của đô thị dọc đường Cách mạng tháng Tám, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.
- Vị trí xả nước thải: hố ga của cống thu gom, thoát nước chung của đô thị dọc đường Cách mạng tháng Tám, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.
- Tọa độ xả nước thải (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiều 3⁰): X = 1070015; Y = 562919.

- Phương thức xả nước thải: nước thải (từ nguồn số 01 đến nguồn số 03) sau hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày đêm được xả vào hố ga trước khi hòa chung với dòng nước thải số 02, sau đó được thải qua đường ống PVC D90 mm có dài 254,2 m (đặt ngầm; tự chảy) trước khi xả vào hố ga của cống thu gom, thoát nước chung của đô thị dọc đường Cách mạng tháng Tám, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.2. Dòng nước thải số 02: nước thải (từ nguồn số 01 đến nguồn số 03) sau hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày đêm.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thu gom, thoát nước chung của đô thị dọc đường Cách mạng tháng Tám, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Vị trí xả nước thải: hồ ga của cống thu gom, thoát nước chung của đô thị dọc đường Cách mạng tháng Tám, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Tọa độ xả nước thải (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0): X = 1070015; Y = 562919.

- Phương thức xả nước thải: nước thải (từ nguồn số 01 đến nguồn số 03) sau hệ thống xử lý nước thải công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được xả vào hồ ga trước khi hòa chung với dòng nước thải số 01, sau đó được thải qua đường ống PVC D90 mm có dài 254,2 m (đặt ngầm; tự chảy) trước khi xả vào hồ ga của cống thu gom, thoát nước chung của đô thị dọc đường Cách mạng tháng Tám, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.3. Tổng lưu lượng xả nước thải lớn nhất của 02 dòng thải: $170 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (dòng thải số 01: $70 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, tương đương khoảng $2,92 \text{ m}^3/\text{giờ}$; dòng thải số 02: $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, tương đương khoảng $4,16 \text{ m}^3/\text{giờ}$).

2.4. Chất lượng nước thải của dòng thải số 01, dòng thải số 02 trước khi xả vào hồ ga của cống thu gom, thoát nước chung của đô thị dọc đường Cách mạng tháng Tám, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, K = 1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	- Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Chủ cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc định kỳ với tần suất 06 tháng/lần.	
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		
3	COD	mg/l	50		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,1		
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,0		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: nước thải từ nguồn số 01 đến nguồn số 03 được thu gom, tự chảy theo các tuyến thu gom về hố thu gom tập trung có song chắn rác, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: có 02 hệ thống xử lý nước thải có tổng công suất xử lý là 170 m³/ngày đêm (hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày đêm).

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày đêm:

+ Quy trình xử lý: Bể điều hòa → Bể lắng 1 → Bể Arotank → Bể lắng Lamén → Bể lọc → Ngăn khử trùng → hố ga của Trung tâm → cống thu gom, thoát nước chung của đô thị dọc đường Cách mạng tháng Tám, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

+ Hóa chất sử dụng: Chất keo tụ PAC; Chlorine dạng viên nén.

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày đêm:

+ Quy trình xử lý: Ngăn điều hòa lưu lượng → Ngăn Anoxic → Ngăn Oxic + MBBR → Bể lắng → Ngăn lọc → Ngăn khử trùng → hố ga của Trung tâm → cống thu gom, thoát nước chung của đô thị dọc đường Cách mạng tháng Tám, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

+ Hóa chất sử dụng: Chlorine dạng viên nén.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, trang bị các thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời khi các thiết bị hỏng hóc.

- Bố trí nhân viên môi trường đảm nhiệm công tác vận hành, bảo dưỡng thiết bị và theo dõi chất lượng nước thải.

- Trường hợp xảy ra sự cố làm nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn, ngưng xả thải ra nguồn tiếp nhận, nước thải được chứa tại Hố thu gom tập trung, Bể điều hòa và Ngăn điều hòa lưu lượng với tổng thể tích 158,63 m³; sau đó nhanh chóng khắc phục sự cố trong thời gian khoảng 01 ngày; sau khi khắc phục xong sự cố tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép mới xả ra nguồn tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử:

Cơ sở đã được Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 04/GP-UBND ngày 26/02/2018.

Vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày đêm (do hệ thống được cải tạo vào năm 2022) như sau:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 15/8/2023 đến ngày 31/12/2023.

2.2 Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu đầu vào tại Bể điều hòa; 01 mẫu đầu ra sau Ngăn khử trùng.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Các thông số phân tích: Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, TSS, H₂S, Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae, Tổng hoạt độ phóng xạ α ; Tổng hoạt độ phóng xạ β .

- Giá trị giới hạn các thông số: quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, k = 1).

2.3. Tần suất lấy mẫu: giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: 01 ngày/lần (liên tục trong 03 ngày).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

3.3. Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Hậu Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: khí thải lò đốt chất thải rắn y tế (lò đốt công suất: 80 kg/ngày), lưu lượng khoảng 1.500 m³/giờ.

- Nguồn số 02: khí thải máy phát điện dự phòng (công suất: 400 kVA), lưu lượng khoảng 1.354 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: ống khói lò đốt chất thải rắn y tế (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1070493 ; Y = 0562743.

- Dòng khí thải số 02: ống khói máy phát điện dự phòng (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1070479 ; Y = 0562736.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.500 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.354 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: khí thải (lò đốt chất thải rắn y tế công suất: 80 kg/ngày) sau khi xử lý bằng thiết bị xử lý khí thải xả ra môi trường bằng ống khói có đường kính ϕ 200 mm, cao 20 m; xả gián đoạn (chỉ xả lúc vận hành lò đốt, thời gian xả tối đa 06 giờ/ngày).

- Dòng khí thải số 02: khí thải máy phát điện dự phòng xả trực tiếp ra môi trường qua ống khói ϕ 140 mm, cao 10 m; xả gián đoạn (chỉ xả lúc lưới điện bị cúp, thời gian xả từ lúc lưới điện bị cúp đến khi có điện trở lại).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 02:2012/BTNMT (Cột B), QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, K_p = 1 , K_v = 0,8), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01		QCVN 02:2012/BTNMT (Cột B)	- Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Chủ cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc định kỳ khí thải lò đốt chất thải rắn y tế với tần suất 01 năm/lần.	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	115		
2	HCL	mg/Nm ³	50		
3	CO	mg/Nm ³	200		
4	SO ₂	mg/Nm ³	300		
5	NO _x	mg/Nm ³	300		
6	Cadimi (Cd)	mg/Nm ³	0,16		
7	Chì (Pb)	mg/Nm ³	1,2		
8	Thủy ngân (Hg)	mg/Nm ³	0,5		
9	Tổng Dioxin/Furan	ng TEQ/Nm ³	2,3		
II	Dòng khí thải số 02		QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, K_p = 1 , K_v = 0,8)	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160		
2	SO ₂	mg/Nm ³	400		
3	NO _x	mg/Nm ³	680		
4	CO	mg/Nm ³	800		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01 (khí thải lò đốt chất thải rắn y tế): được thu gom về hệ thống xử lý khí thải.

- Nguồn số 02 (khí thải máy phát điện dự phòng): được thu gom và xả trực tiếp ra môi trường không khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 01 (khí thải lò đốt chất thải rắn y tế) được xử lý theo quy trình: Bụi, khí thải từ lò đốt → Hạ nhiệt khí thải → Cyclone thu hồi bụi → Tháp hấp thụ → Hạ nhiệt → Ống khói (cao 20 m) → môi trường không khí.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện vận hành lò đốt chất thải rắn y tế theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Định kỳ kiểm tra bảo dưỡng hệ thống thiết bị lò đốt đảm bảo lò đốt vận hành hiệu quả, đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 15/8/2023 đến ngày 31/12/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải rắn y tế.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống khói lò đốt chất thải rắn y tế.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Các thông số phân tích: Lưu lượng, Hàm lượng bụi tổng, CO, SO₂, NO_x, HCl, Thủy ngân (Hg), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Tổng Dioxin/Furan.

- Giá trị giới hạn các thông số: quy chuẩn QCVN 02:2012/BTNMT (Cột B).

2.3. Tần suất lấy mẫu: giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải: 01 ngày/lần (liên tục trong 03 ngày).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải rắn y tế bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi hôi phát sinh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất y tế nguy hại, khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Hậu Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

STT	Loại rác thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
I	Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở		25.972
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 03	25.000
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại (nước rửa phim)	13 01 02	100
3	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 04	550
4	Xỉ và tro đáy có thành phần nguy hại	12 01 10	300
5	Nhớt thải	17 06 03	10
6	Giẻ lau dầu nhớt	18 02 01	02
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	10
II	Chất thải lây nhiễm từ các cơ sở y tế khác được thu gom, xử lý theo mô hình cụm cơ sở y tế được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quy định về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Phụ lục được ban hành kèm theo Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Hậu Giang		550
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 03	550
	TỔNG		26.522

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

1.2.1. Chất thải rắn thông thường phục vụ mục đích tái chế

STT	Tên chất thải	Khối lượng ước tính (kg/tháng)
1	Giấy văn phòng, thùng carton, chai nhựa, lon nước giải khát	120
Tổng khối lượng		120

1.2.2. Chất thải rắn thông thường không phục vụ mục đích tái chế

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng ước tính (kg/ngày)
1	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 13	0,8
Tổng khối lượng			0,8

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng ước tính (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	300 - 320
Tổng khối lượng		300 - 320

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: sử dụng bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và khoản 4, khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1.2. Kho lưu giữ:

- Diện tích kho: được bố trí trong nhà phân loại rác 77,88 m², trong đó khu vực lưu giữ chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm với diện tích khoảng 51,92 m² (tách biệt với khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường bằng vách ngăn).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: kết cấu khung cột bê tông cốt thép, nền lát gạch, vách tường, mái tole đảm bảo tránh nước mưa chảy tràn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Diện tích kho: được bố trí trong nhà phân loại rác 77,88 m², trong đó khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường với diện tích khoảng 25,96 m² (tách biệt với khu vực lưu giữ chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm bằng vách ngăn).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: có kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách xây gạch, mái tole, nền lát gạch.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy (loại 10 lít, 20 lít, 40 lít, 60 lít, 120 lít và 240 lít).

2.3.2. Khu vực lưu chứa: chất thải rắn sinh hoạt chứa trong các thùng chứa, đưa về khu tập kết chung (cạnh kho lưu giữ chất thải lây nhiễm, chất thải nguy hại không lây nhiễm, chất thải rắn thông thường) và chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố rò rỉ tia bức xạ từ chụp X-quang, CT-Scanner và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Hậu Giang)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng công suất từ 200 giường bệnh lên 330 giường bệnh của Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 20/2021/TT-BYT. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường không phục vụ mục đích tái chế, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải lây nhiễm theo mô hình cụm cơ sở y tế phải tuân thủ theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 20/2021/TT-BYT và Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.